TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **750**/2019/DS - PT
Ngày: 26-8-2019.
V/v "Tranh chấp tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Bà Lê Thị Hoàng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2019/TLPT-DS ngày 20/5/2019 về việc: "Tranh chấp tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 200/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3549/2019/QĐ - PT ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông T K V, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T N, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T N D D.

Địa chỉ: 51 Đ T H, Phường B, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2016)

- *Bị đơn*: Ông T K L, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số 04, Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông T K D, sinh năm 1953;
2. Bà T T T S, sinh năm 1965;
3. Bà T T T, sinh năm 1955;
4. Bà T T N, sinh năm 1967;
5. Ông Đ T G B, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Số 04, Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông T K H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 55 N V C, Phường B, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông T K V, sinh năm 1951;

Địa chỉ: 3A Đường B T, xã T H, huyện C , Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà T T T V, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ụ 17 , Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà T T H, sinh năm 1959;
10. Bà T T T H, sinh năm 1979;
11. Bà T T N H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số 50 N Đ C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T K V, bà T T T, bà T T T V, bà T T H, bà T T T H, bà T T N H là: Ông T N D D.

(Theo giấy ủy quyền ngày 16/12/2016).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn – ông T K L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà T T T V, bà T T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông T K V có người đại diện theo ủy quyền là ông T N D D trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 90 Đ T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 04 đường số 6, Đ T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) là của vợ chồng ông T K H và bà N T Đ đồng sở hữu. Ông H và bà Đ chung sống có 10 người con, gồm có: T K L; T K H; T K V; T K D; T T T; T K H (đã chết năm 2012); T T T V; T K V; T T T S và T T N.

Năm 1984, ông T K H chết không để lại di chúc. Năm 2012, bà N T Đ chết không để lại di chúc. Để lại di sản là căn nhà số 04 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 và 13/01/2015, tại Văn phòng Công chứng C A có trụ sở tại số 44 V V T, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các con của ông H và bà Đ (đồng thừa kế) đã lập văn bản khai nhận di sản thừa kế quyền sở hữu nhà và

quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi lập văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên, các đồng thừa kế đã liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà số 04 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/4/2015, Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BX 35443 cho 12 đồng thừa kế của ông H và bà Đ (bao gồm vợ và 02 con của ông T K H đã chết ngày 07/6/2012). Do căn nhà trên đã thực hiện thủ tục kê khai di sản thừa kế cho các đồng thừa kế như đã trình bày, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp tài sản chung. Hiện nay, mỗi người đều có hoàn cảnh gia đình, khó khăn riêng. Ông V và những đồng thừa kế khác đồng ý bán căn nhà để chia đều cho các anh chị em, nhưng còn lại một số người trong đó có ông L là không đồng ý bán căn nhà này. Hiện ông đang sinh sống tại đây và giữ bản chính giấy tờ nhà.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung là căn nhà số 04 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thành 10 phần, phần Ông V được hưởng là 1/10 phần trị giá căn nhà trên.

Bị đơn - ông T K L trình bày:

Ông xác nhận nguồn gốc căn nhà số 04 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông T K H và bà N T Đ. Và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là ông H và bà Đ có 10 người con chung như trên. Tuy nhiên theo ông được biết thì ông H còn có 06 người con riêng hiện đã mất liên lạc từ lâu, ông L không có gì chứng minh việc 06 người con ông đã khai là con riêng của ông H.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà 04 đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông không đồng ý. Vì đây là nhà của cha mẹ, ông cùng các anh chị em sống tại đây từ nhỏ cho đến nay, và trải qua 03 lần sửa chữa xây dựng căn nhà, ông D là người bỏ tiền ra để xây dựng, hiện ông tuổi đã cao, nếu bán căn nhà này đi thì không biết ở đâu, Anh em chia rẽ như vậy là không đúng đạo đức xã hội và sự nuôi dạy của cha mẹ. Đề nghị để cho gia đình tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông T K D trình bày: Ông xác nhận nguồn gốc căn nhà số 04 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và con chung như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên theo ông được biết thì ông H còn có 06 người con riêng hiện đã mất liên lạc từ lâu, bởi ngày ông H mất thì có người về chịu tang, sau đó thỉnh thoảng có liên lạc nhưng cũng không biết những người đó ở đâu. Ông không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà trên, vì không thể chia căn nhà hiện hữu như hiện nay, do ông là người bỏ tiền ra xây dựng, không ai có thể yêu cầu bán tài sản

không phải là của mình. Ông tôn trọng di sản thừa kế do cha mẹ để lại là căn nhà cấp 4 cũ trước khi xây cất. Trước khi bỏ tiền ra xây dựng, các anh chị em đã đồng ý để căn nhà này làm nhà thờ từ đường, hương hỏa (đang thờ 04 đời) nên ông mới bỏ tiền ra xây, để các anh chị em khi khó khăn có nơi về ở. Bản thân ông cũng đang khó khăn và đang thực tế cư trú tại căn nhà này, nay tuổi cao sức yếu nên không đồng ý bán hay chia căn nhà này. Trong trường hợp Tòa án buộc phải phân chia căn nhà trên cho các đồng thừa kế thì ông yêu cầu trả lại cho ông tiền đã bỏ ra xây cất căn nhà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông T K H trình bày: Ông xác nhận nguồn gốc căn nhà số 04 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và con chung như nguyên đơn trình bày. Căn nhà trên đã sửa chữa hai lần, đến năm 2013 do nhà xuống cấp nên ông D là người đã bỏ tiền ra xây dựng lại căn nhà trên, và ông L là người đứng tên đại diện chủ sở hữu cho các anh em là đồng thừa kế. Vì đây là nhà hương hỏa, thờ cúng nên ý kiến của ông là không đồng ý phân chia và bán nhà này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà T T N trình bày: Bà xác nhận nguồn gốc căn nhà số 04 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và con chung như nguyên đơn trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là căn nhà nêu trên. Tuy nhiên ngày 31/ 8/2018 bà gửi đơn đề nghị chấm dứt việc ủy quyền với ông D D và thay đổi nội dung yêu cầu là có nguyện vọng muốn giữ lại nhà của cha mẹ để anh em cùng chung sống, nên không đồng ý chia tài sản và bán nhà. Bà xác nhận căn nhà trên đã qua 03 lần sửa chữa xây dựng và ông D là người bỏ tiền xây dựng nhà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T K V; bà T T T, bà T T T V; bà T T H; bà T T T H; bà T T N H có ông T N D D đại diện ủy quyền trình bày: Các ông bà trên cùng xác nhận trình bày của ông T K V là đúng. Nay đồng ý yêu cầu của ông T K V về việc chia tài sản chung là căn nhà số 04 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông T N D D đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là căn nhà số 4 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông T K L : Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông T K V, bà T T T, bà T T T V, bà T T H, bà T T T H và T T N H có ông D D đại diện ủy quyền trình bày: Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung là căn nhà nêu trên thành 10 phần, mỗi người con của ông H và bà Được được hưởng 01 phần. Riêng bà T T H, bà T T T H và T T N H cả ba người đồng ý nhận một

phần tài sản chung của ông T K H (đã chết), phần của ông H cùng thông nhất chia đều cho 3 người là bà H, bà H và bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T K D, T K H, bà T T T S, bà T T N, Đ T G B: Đã được tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng những người có tên nêu trên vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung là căn nhà số 04 Đường số 6, Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xác định căn nhà số 04 Đường số 6 Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung được chia cụ thể như sau:

1.1. Ông T K V; ông T K L; ông T K D; ông T K H; ông T K V; bà T T T; bà T T T V; bà T T T S; bà T T N mỗi người được hưởng 1/10 giá trị tài sản (7.608.639.756 : 10) tương đương 760.863.976 đồng.

1.2. Bà T T H, bà T T T H và bà T T N H cùng hưởng 1/10 (phần của ông H đã chết) trị giá tài sản và được chia thành 03 phần bằng nhau (7.608.639.756 : 1/30) tương đương 253.621.325 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông D về thanh toán tiền sửa chữa, xây dựng nhà: Các đồng sở hữu phải thanh toán cho ông T K D chi phí xây dựng sửa chữa nhà là 1.263.639.756 đồng. Cụ thể:

Các ông bà T K V; T K L; T K D; T K H; T K V; T T T; T T T V; T T T S; T T N mỗi người phải thanh toán cho ông T K D là 140.404.417 đồng.

Các bà T T H, T T N H ,T T T H mỗi người phải thanh toán cho ông T K D là 46.801.727 đồng.

3. Giao cho ông L căn nhà số 04 Đường số 6 Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L phải thanh toán lại cho các chủ sở hữu chung theo tỷ lệ như đã phân tích phần giá trị tài sản tại thời điểm thanh toán, thì căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của ông L, ông L được quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp, thay đổi giấy tờ sở hữu đối với căn nhà trên và phải nộp các khoản thuế, lệ phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp ông T K L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì Cơ quan thi hành án dân sự được quyền kê biên, bán đấu giá căn nhà số 04 Đường số 6 Đ T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá (sau khi trừ đi các chi phí phải nộp theo quy định pháp luật) sẽ được chia cho các chủ sở hữu chung theo phần như đã phân tích.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các ông bà T K L, T K D, T K V, T K H, T T T.

Các bà T T T V, T T T S, T T N và ông T K V mỗi người phải chịu án phí 41.454.770 đồng. Ông T K V đã nộp tạm ứng án phí là 24.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/02795 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Ông V còn phải nộp thêm tiền án phí là 17.454.770 đồng.

Các bà T T H, T T N H, T T T H mỗi người phải chịu án phí là 15.021.152 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà T T T V và bà T T H có đơn kháng cáo nêu hai yêu cầu:

- Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại số tiền xây dựng nhà phải trả lại cho ông T K D chia đều cho 10 (mười) người được hưởng thừa kế, trong đó có cả ông D;
- Bà V và bà H cùng sinh năm 1959; hiện đã nghỉ hưu, gia cảnh khó khăn, xin được miễn án phí sơ thẩm phải nộp theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2019, bị đơn ông T K L có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm. Xin được xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông T K L trình bày: Sau khi bàn bạc cùng các thành viên trong gia đình và tìm hiểu quy định của pháp luật về thừa kế, ông nhận thấy Tòa sơ thẩm giải quyết tranh chấp là có căn cứ. Tại tòa phúc thẩm, ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo nếu nguyên đơn đồng ý tạm hoãn việc thi hành án trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày hôm nay để các anh chị em trong gia đình thỏa thuận phân chia di sản, đồng thời để những người đang lưu cư trong nhà có thời gian di dời ổn định chỗ ở mới. Hết thời hạn 6 tháng, nếu không thỏa thuận được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

*Nguyên đơn – ông T K V và người đại diện theo ủy quyền là ông T N D D đ*ồng ý với đề xuất nêu trên của bị đơn; đề nghị tòa phúc thẩm ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông T K H trình bày: Ông thống nhất với thỏa thuận của Ông V và ông L. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà T T T V và bà T T H có ông T N D D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H và bà V thống nhất với ý kiến thỏa thuận của Ông V và ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V và bà H xin rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về nội dung: xem xét lại số tiền xây dựng nhà trả lại cho ông T K D chia đều cho 10 (mười) người, trong đó có cả ông D; đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần này. Hai đương sự giữ lại yêu cầu kháng cáo về phần án phí, xin được miễn án phí sơ thẩm phải nộp được áp dụng đối với người cao tuổi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T K V; bà T T T; bà T T T H; bà T T N H có ông T N D D đại diện ủy quyền trình bày: Thống nhất với thỏa thuận của Ông V và ông L, đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện để các bên đương sự tự thỏa thuận thi hành án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà T T N: Thống nhất với thỏa thuận của Ông V và ông L. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà T T T S, ông Đ T G B, ông T K D: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ an của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L đã rút đơn kháng cáo kèm theo điều kiện, bà V và bà H đã rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với phần án phí phải nộp, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần đương sự đã rút kháng cáo. Các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án ở giai đoạn thi hành án, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị đơn – ông T K L rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 200/2019/DSST ngày 22/03/2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của bà T T T V, bà T T H là ông T N D D trong phạm vi ủy quyền đã xin rút lại một phần yêu cầu kháng cáo của bà V và bà H về nội dung: " Tiền xây dựng nhà trả cho ông T K D chia đều cho 10 (mười) người trong đó có cả ông D đối với căn nhà số 4, Đường số 6, Đ T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh". Giữ nguyên kháng cáo về phần án phí phải nộp.

Với trích dẫn phần trên; Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cao đã được rút tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm; theo đề xuất của bị đơn, các bên đương sự đã tự thương lượng, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết một phần vụ án như sau : trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày 26/8/2019 các bên đương sự trong vụ án sẽ tự đứng ra phân chia di sản thừa kế theo quyết định của bản án sơ thẩm. Sau thời hạn này nếu không thực hiện như thỏa thuận sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Xét, sự thỏa thuận trên của các bên đương sự là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Đối với phần kháng cáo còn lại của bà T T H và bà T T T V về án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại thời điểm xét xử phúc thẩm bà T T T V, sinh năm 1959; bà T T H, sinh năm 1959 ; căn cứ heo quy định tại điều 2 Luật Người cao tuổi Việt Nam; bà V, bà H đã ở độ tuổi 60 và được miễn nộp án phí dân sự theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bà V, bà H về phần này được Hội đòng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 246; Khoản 1 Điều 289; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a Khoản 3 Điều 140; Điều 210; Điều 212; Điều 219; Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông T K L.

II/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án của bà T T T V với bà T T H

về nội dung "Tiền xây dựng nhà trả lại cho ông T K D chia đều cho 10 (mười) người, trong đó có cả ông D".

III/ Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Các bên đương sự tự thi hành quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 200/2019/DS-ST ngày 22/03/2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày 26/8/2019. Sau thời hạn này nếu các bên không tự giải quyết xong như thỏa thuận sẽ được cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

IV/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T T T V và bà T T H, sửa bản án sơ thẩm về án phí như sau: Bà T T T V; bà T T H được miễn nộp án phí dân sự.

V/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

VI/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T K L, bà T T H, bà T T T V được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Bà T T H, bà T T T V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo các biên lai thu tiền như sau: Bà T T T V được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014081 ngày 05/4/2019; Bà T T H được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014082 ngày 05/4/2019.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận B;
- Tòa án nhân dân Quận B (kèm HS);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (T.**30**B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang